

VỀ GIÁ TRỊ CỦA VĂN BIA THỜI LÝ-TRẦN

TRẦN ĐỨC LIÊM^(*)

Văn bia là một tác phẩm thành văn được ghi trên đá, có những ảnh hưởng lớn mang tính lịch sử tới đời sống xã hội. Do vậy, văn bia thường được chăm chút nhiều về mặt mỹ thuật và nội dung, bao hàm nội hàm giá trị đạo đức truyền thống hết sức cao đẹp, thuần phong thanh khiết. Tìm hiểu về văn bia là tìm hiểu về một loại thư tịch, có niên đại rõ ràng, có giá trị như những tác phẩm văn học nghệ thuật, chứa đựng hệ thống thông tin nhiều mặt về lịch sử, kinh tế, xã hội, và thể hiện rõ tính chất giáo dục, đặc tính tư tưởng triết học của thời đại đương thời.

Văn bia thời Lý-Trần mang những giá trị văn hóa truyền thống đậm nét về tính dân tộc hóa, tự tôn dân tộc và sức tự cường, tự chủ quốc gia, thể hiện nhiều mặt, nhiều lĩnh vực nhưng tựu chung đó là những giá trị thẩm mỹ và đạo đức được đề cao và phát triển rực rỡ nhất trong lịch sử cho đến thời đại ngày nay.

Sự có mặt của văn bia thời Lý-Trần là điều kiện, là hiện tượng tất yếu trong quá trình xây dựng, bảo vệ và phát triển đất nước, để phổ biến, truyền thông và giáo dục nhân dân, thể hiện những tư tưởng chủ đạo trong xã hội. Văn bia ghi lại những dữ kiện, sự kiện, sắc lệnh hoặc những vấn đề trọng yếu của quốc gia, xã hội đã diễn ra có tính

chất giáo dục ghi ơn, nhớ ơn và tuyên dương công hạnh của cá nhân, tổ chức hoặc những thiền sư Phật giáo có công trong công cuộc bảo vệ, xây dựng và phát triển đất nước. Bên cạnh đó, văn bia thời Lý-Trần còn lưu truyền cho đời sau những tinh hoa trên nhiều lĩnh vực, đặc biệt là những giá trị mỹ thuật.

Nội dung bài viết góp phần làm rõ những giá trị văn hoá truyền thống chứa đựng trong văn bia Lý-Trần – những giá trị lớn có ý nghĩa không chỉ đối với quá khứ mà cả trong hiện tại.

1. Văn bia thời Lý

Thời Lý, Phật giáo phát triển rất mạnh mẽ và đạt tới đỉnh cao. Vua Lý Thái Tổ đã có nhiều lệnh chỉ có lợi cho sự phát triển của Phật giáo, như làm chùa trong cả nước, độ dân làm sư, sai sứ sang Trung Quốc xin kinh Phật, v.v... Sau này các vua Lý đều tôn sùng đạo Phật và tất nhiên cả các tầng lớp quý tộc quan lại cũng mộ Phật. Tinh thần sùng Phật được thể hiện trong hầu hết các lĩnh vực của hoạt động xã hội. Trên lĩnh vực văn học, bên cạnh những áng văn chính luận nổi tiếng phản ánh công cuộc dựng nước và giữ nước của dân tộc còn có những tác phẩm xoay quanh các chủ đề

(*) Pháp danh: Giác Chính, Học viện Phật giáo Việt Nam.

về đạo Phật. Tất cả những đặc điểm này đều được thể hiện khá rõ trên văn bia.

Văn bia thời Lý (1010-1225) có thể chia thành hai loại chính là bia ký công trình và mộ chí bi. *Bia ký công trình* là loại bia thường gắn với Phật giáo, vì bia thường ghi công trong việc xây dựng các ngôi chùa. Do sự phát triển mạnh của Phật giáo ở giai đoạn này nên chùa chiền được dựng lên khắp nơi trong nước, đó cũng là lý do khiến cho văn bia được dựng nhiều ở các ngôi chùa quan trọng, có liên quan đến giới quý tộc, quan chức và các thiền sư có uy tín, có kiến thức uyên bác. Điều này có thể lý giải rằng, vì trước triều đại nhà Lý, Phật giáo đã tạo dựng được vị trí quan trọng trong xã hội, như triều nhà Đinh và nhà Lê, đến thời Lý, vua Lý Thái Tổ (Lý Công Uẩn), vị vua sáng lập khởi nghiệp triều Lý, vốn xuất thân từ chốn thiền môn cùng thời với thiền sư Vạn Hạnh, nên rất mực tôn sùng đạo Phật. Về sau các vua kế thừa và phát huy truyền thống ấy khiến cho thời Lý trở thành giai đoạn hưng thịnh của Phật giáo.

Còn *mộ chí bi* là bia lăng mộ. Ngoài ra, loại văn bia này còn có nhánh văn bia từ đường, sinh từ; thường được đặt tại từ đường của dòng họ hoặc từ chỉ làng xã để tôn vinh những người có công lao. Thực tế, loại này cũng tương tự như văn bia lăng mộ.

Văn bia thời Lý hiện mới tìm thấy được là 18 văn bản (3). Đúng về phương diện chức năng xã hội và chức năng lịch sử, xét về giá trị nội dung văn bản thì các văn bia thời kỳ này chủ yếu gắn với mục đích tôn giáo, tín ngưỡng. GS. Nguyễn Huệ Chi đánh giá: “Tác giả văn bia có thể là nhà nho, nhưng bản thân văn bia thì hầu như chỉ xuất hiện với mục đích tôn giáo, lưu hành trong

phạm vi thờ cúng và nhất là nhà chùa” (4, tr.185).

Như vậy, có thể nói các bài văn bia thời Lý là những tài liệu rất có giá trị khi nghiên cứu lịch sử tư tưởng Việt Nam và đặc biệt lịch sử Phật giáo Việt Nam và lịch sử tư tưởng Phật giáo Việt Nam. Điển hình như:

An Hoạch sơn Báo Ân tự bi kí (安獲山報恩寺碑記) do Chu Văn Thường soạn, niên đại Hội Phong 9 (1100) ở chùa Báo Ân núi An Hoạch, Đông Sơn, Thanh Hóa;

Bảo Ninh Sùng Phúc tự bi (保寧崇福寺碑) do Lý Thừa Ân soạn, niên đại Long Phù Nguyên Hòa (1107) ở Chiêm Hóa, Tuyên Quang;

Đại Việt quốc đương gia đệ tứ đế Sùng Thiện Diên Linh tháp bi (大越國當家第四帝崇善延齡塔碑) do Nguyễn Công Bật soạn, niên đại Thiên Phù Duệ Vũ 2 (1121) ở chùa Sùng Thiện Diên Linh, Duy Tiên, Hà Nam;

Ngưỡng sơn Linh Xứng tự bi minh (仰山靈稱寺碑銘) ở chùa Linh Xứng núi Ngưỡng Sơn, Ngọc Xá, Hà Trung, Thanh Hóa;

Sùng Nghiêm Diên Thánh tự bi minh (崇嚴延聖寺碑銘) ở chùa Sùng Nghiêm Diên Thánh, Hậu Lộc, Thanh Hóa do Pháp Bảo soạn trước năm 1107 và năm 1118;

Viên Quang tự bi minh tính tự (圓光寺碑銘并序) do Đinh Đạt soạn, niên đại Thiên Phù Duệ Vũ 3 (1122) ở chùa Viên Quang, Giao Thủy, Nam Định;

Phụng Thánh phu nhân Lê thị mộ chí (奉聖夫人黎氏墓志), khuyết danh, niên đại Chính Long Bảo Ứng (1173) ở chùa Phúc Thánh, Tam Nông, Vĩnh Phúc;

Càn Ni sơn Hương Nghiêm tự bi minh (乾尼山香嚴寺碑銘), khuyết danh, niên đại Thiên Phù Duệ Vũ 5 (1124) ở chùa Hương Nghiêm núi Càn Ni, Đông Sơn Thanh Hóa;

Cự Việt quốc Thái úy Lý Công Thạch bi minh tự (鉅越國太尉李公石碑銘序), khuyết danh, niên đại khoảng năm 1159;...

Đặc điểm nổi bật của văn bia thời kỳ này là tư tưởng của Phật giáo đã đưa ra những quan điểm có tính chất triết học. Một điều cần được khẳng định là Phật giáo đã ảnh hưởng sâu sắc đến sinh hoạt tư tưởng và nhân sinh quan của người Việt trong giai đoạn lịch sử này. *Ngưỡng Sơn Linh Xứng tự bi* là một minh chứng: “Thái úy (Lý Thường Kiệt) tuy thân vương việc đời mà lòng vẫn hướng về đạo Phật. Có lẽ vì nhà vua và mẫu hậu tôn sùng giáo Lý nhà Phật đó chăng? Cho nên Thái Úy vâng theo ý chỉ của đức vua và mẫu hậu mà nâng đỡ Phật pháp vậy” (4, tr.362).

Như vậy, văn bia thời Lý là nguồn tư liệu quý, có giá trị về nhiều mặt, là sự thống nhất của nhiều đặc tính nghệ thuật trong một chỉnh thể, và là sự kết hợp của văn chương – mang giá trị văn học, hòa quyện tinh tế với nghệ thuật điêu khắc và hội họa một cách tinh xảo.

Ngoài ra các văn bia thời Lý còn là những tư liệu góp phần nghiên cứu lĩnh vực văn hóa Phật giáo và văn hóa dân gian của người Việt trong đời sống xã hội thời kỳ này.

2. Văn bia thời Trần

Thời Trần, Phật giáo vẫn giữ vai trò quan trọng trong đời sống tinh thần của xã hội. Tuy nhiên, việc thi tuyển chọn quan lại trở thành thường xuyên, tầng lớp nho sĩ ngày càng đông đảo, đã đẩy

lùi dần thế lực của tầng lớp tăng lữ trên lĩnh vực chính trị và tư tưởng. Hàng ngũ quan lại xuất hiện từ tầng lớp nho sĩ ngày càng chiếm ưu thế trong bộ máy chính quyền và nắm giữ những chức vụ quan trọng trong triều đình. Lực lượng sáng tác văn học và nghệ thuật cũng dần chuyển sang tầng lớp Nho sĩ.

Tuy nhiên, các vua Trần vẫn ý thức được vai trò của Phật giáo và Nho giáo đối với xã hội. Do vậy, triều đình vẫn luôn chú trọng tổ chức thi Tam trường để chọn cử nhân và thi Tam giáo để chọn những nhân lực tri thức trong lĩnh vực Nho - Đạo - Thích, am tường chính trị xã hội, văn hay võ giỏi để góp sức vào công việc bình ổn đất nước, dẹp yên các thế lực cát cứ ở địa phương. Vì vậy, trong thời kỳ này Phật giáo đã phát triển trong sự dung hòa đối với Nho giáo.

Văn bia thời Trần phản ánh nhiều yếu tố, tính chất và đặc trưng về không khí chính trị tư tưởng thời bấy giờ. Văn bia thời kỳ này khá phong phú, không chỉ với mục đích tôn giáo như văn bia thời Lý mà còn thể hiện nhiều phương diện khác. Tuy nhiên, văn bia thời Trần vẫn chủ yếu được dựng tại các nhà chùa. Như *Sùng Nghiêm sự Vân Lỗi sơn đại bi tự* (崇嚴事雲磊山大碑序) do Phạm Sư Mạnh soạn, niên đại Thiệu Khánh 3 (1372) đã viết: “Đất trời có tượng, tổ chỗ che để nuôi dựng muôn linh; thời tiết không hình, ngậm nóng lạnh để hóa thành vạn vật” (6, tr.133).

Thời Trần, khi Phật giáo còn chiếm ưu thế trong xã hội, một số tác phẩm có giá trị về triết lý và tư tưởng của Phật giáo xuất hiện, như: *Khóa hư lục*, *Tuệ Trung Thượng Sĩ ngữ lục*,... Do vậy, thời kỳ này cũng vẫn xuất hiện những bài văn bia truyền bá tư tưởng Phật giáo và sự liên hệ giữa Phật giáo và Nho giáo.

Hưng Phúc tự bi (興福寺碑) khuyết danh người soạn, niên đại Khai Thái (1324) đã viết về mối quan hệ của Phật - Nho như sau: “Noi theo chí người trước làm sáng tỏ ở đời sau, họ Khổng gọi là hiếu; vui bố thí của tiền sáng lập ruộng phúc, đạo Phật gọi là từ. Ôi hiếu và từ, há chẳng phải là bản tâm của con người hay sao? Vậy nên dốc lòng hiếu để báo cái ơn vô cùng, rộng điều từ để cầu phúc cõi âm mờ mịt...” (5, tr.638).

Tuy nhiên vào những năm cuối của thế kỉ XIV, đạo Phật đã kết thúc thời kỳ huy hoàng, vàng son của mình khi Hồ Quý Ly ra lệnh sa thải tăng đồ, bắt những người dưới 40 tuổi phải hoàn tục vào năm 1396. Vì vậy mà sau đó trên văn bia đã vắng dần hình ảnh của đạo Phật.

Văn bia thời Trần nghiêng về sự giản dị, tự nhiên, lối văn tự sự tình tường không quá khoa trương chữ nghĩa. Mặt khác, sự có mặt của Tam giáo đã góp phần khiến cho văn bia thời Trần có được sự đa dạng về số lượng và loại hình tác giả. Nhưng dễ nhận thấy, các tác giả xuất thân từ nhà Nho là lực lượng chủ yếu nhất, chính điều này đã góp phần cho văn bia thời Trần có sự thay đổi so với văn bia thời Lý về cả nội dung văn khắc và hình thức trình bày.

Nhìn chung, văn bia thời Trần tuy vẫn phong phú về nội dung và có sự thay đổi đáng ghi nhận về tính mỹ thuật cao, lối hành văn trong sáng, đạt được tính nhân văn, nhân bản có giá trị, song không còn mang tầm vóc nghệ thuật tinh xảo và giá trị văn học uyên bác như văn bia thời Lý.

Sự phát triển của học thuyết Nho giáo vào thời Trần đã ảnh hưởng quan trọng đến các tác phẩm văn bia, làm hạn chế tính chất lý luận cũng như việc sử dụng

ngôn ngữ Phật học phổ biến như trong các văn bia thời Lý. Thay vào đó, văn bia thời Trần chú trọng đến tính chất xã hội, lồng các học thuyết chính trị vào đời sống xã hội theo thể thức chính trị - xã hội quân chủ và ghi nhận sự đóng góp to lớn của lực lượng quân sự hùng mạnh, tài tình, khéo léo trong các cuộc chiến chống giặc ngoại xâm. Văn bia thời Trần chú trọng nhiều hơn đến các vấn đề lý luận chính trị – an ninh quốc phòng, ngoại giao quốc tế.

Về bố cục, văn bia thời Trần về cơ bản vẫn giống thời Lý, nhưng xu hướng sử dụng các đề tài và dáng đắp các hoa văn có nhiều thay đổi.

Hình phượng trên trán bia chỉ gặp trên một tấm bia sớm nhất thời Trần: *bia chùa Thiệu Long* (Hà Nội) tạc năm 1226, trang trí trán bia Thiệu Long là sự tiếp nối truyền thống trang trí trên các bia cuối thời Lý.

Phổ biến trang trí trên trán bia thời Trần là hình rồng, như *Bia chùa Đại Bi*, *Bia chùa Thanh Mai* (Hải Hưng), *Bia chùa Sùng Hưng*, *Bia chùa Hưng Phúc* (Thanh Hóa),... Rồng trên các bia Trần có thân bè mập, mào ngắn, khúc uốn doãng với nhiều kiểu cặp sừng khác nhau.

Giá trị tiêu biểu nhất của văn bia thời Trần chính là hệ thống lý luận xây dựng đất nước độc lập, giàu mạnh, phát triển ổn định trong sự thống nhất; đó là giá trị hết sức to lớn, có lợi cho sự phát triển của đất nước, đã để lại nhiều bài học về giá trị lịch sử. Đứng về mặt khách quan, văn bia giai đoạn này là sự minh chứng cho giá trị truyền thống của dân tộc, đóng góp cho sự phát triển của dân tộc, là tầm nhìn chiến lược cho sự phát triển đất nước về sau.

3. Một số nhận xét

Về kết cấu tổng thể của một bài văn bia, thông thường gồm hai phần: *Ký* (còn

gọi là *Chí, Tự* và *Minh*. Các văn bia thời Lý hiện còn tồn tại cũng được tạo lập theo thông lệ đó. Nhưng ở văn bia thời Trần thì thể thức không tuân thủ chặt chẽ theo dạng thức *Ký* và *Minh* như thời Lý. Ví dụ như bi ký ở tháp Linh Tế trên núi Dục Thúy, mang tính chất của những bi ký tự do, không nằm theo khuôn mẫu thông thường như thể loại bi ký đã thể hiện.

Về chức năng và lịch sử hình thành, phát triển, văn Bia Lý-Trần thường dùng để ghi lại những sự kiện lớn diễn ra trong lịch sử, sự kiện văn hóa, chính trị hoặc ca ngợi công đức của các vị vua cai trị. Bên cạnh đó là sự thể hiện của nguyên khí quốc gia, ghi tên và tôn vinh những người hiền tài, các bậc Nho học có công trạng hoặc đạt những giải cao trong các kỳ thi do triều đình tổ chức. Vì vậy, người đỗ đạt cao thường được lưu danh vào bia đá mà người ta thường gọi là Bia Tiến sĩ. Hiện nay, tại Văn Miếu – Quốc Tử Giám còn lưu giữ 82 Bia Tiến sĩ có niên đại từ thế kỷ XV đến thế kỷ XVIII (1484 -1779). Những văn bia này được xem là minh chứng cho sự cần cù, hiếu học của nhiều thế hệ ông cha chúng ta – những người đã góp công sức vào sự phát triển của dân tộc.

Văn bia nói chung và văn bia thời Lý-Trần nói riêng chính là sự khẳng định bản sắc văn hóa dân tộc, do đó chúng ta cần đọc, hiểu, trân trọng và phát huy hơn nữa những giá trị hết sức cao đẹp của ông cha ta đã để lại.

Nếu theo quan điểm “Văn hóa nên được đề cập đến như là một tập hợp của những đặc trưng về tâm hồn, vật chất, tri thức và xúc cảm của một xã hội hay một nhóm người trong xã hội và nó chứa đựng, ngoài văn học và nghệ thuật, cả cách sống, phương thức chung sống, hệ thống giá trị, truyền thống và đức tin”

(7), thì giá trị văn hóa của văn bia Lý-Trần là ở chỗ nó thể hiện tính giáo dục truyền thông và hoạch định chiến lược phát triển văn hóa dân tộc hết sức ổn định. Bởi vì, những phản ứng của xã hội trước những vi phạm chuẩn mực văn hóa chính là cơ sở của hệ thống kiểm soát văn hóa hay kiểm soát xã hội, mà qua đó bằng những biện pháp khác nhau, xã hội tán đồng sự tuân thủ những chuẩn mực đó. Đặc tính nổi bật về giá trị văn hóa, đạo đức của văn bia thời Lý-Trần chính là: ngoài phản ứng của xã hội thì phản ứng của mỗi cá nhân cũng góp phần làm cho chuẩn mực văn hóa được tuân thủ, bởi vì nó chứa đựng giá trị giúp soi rọi lại chính bản thân mỗi con người. Quá trình này chính là tiếp thu các chuẩn mực văn hóa, hay nói cách khác, hòa nhập chuẩn mực văn hóa vào nhân cách của bản thân.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Lịch sử Phật giáo Việt Nam. H.: Khoa học xã hội, 1988.
2. Đại Việt sử ký toàn thư. H.: Khoa học xã hội, 1993 (Bản dịch).
3. Tổng tập thác bản văn khắc Hán Nôm. H.: Văn hoá thông tin, 2005-2009.
4. Thơ văn Lý-Trần, Tập 1. H.: Khoa học xã hội, 1977.
5. Thơ văn Lý-Trần, Tập 2, quyển thượng. H.: Khoa học xã hội, 1989.
6. Thơ văn Lý-Trần, Tập 3. H.: Khoa học xã hội, 1978.
7. Tuyên bố chung của UNESCO về tính đa dạng văn hoá. http://www.unesco.org/education/imld_2002/universal_decla.Shtml.